

Bản án số: 131/2024/DS-ST

Ngày: 06/10/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Chiếu.
2. Ông Trương Văn Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ:*** Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2024/QĐST-DS ngày 22/9/2024, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1960 (có mặt).

Cư trú: ấp Giồng Kiên, xã PL, huyện BÐ, tỉnh BT.

* ***Bị đơn:*** Bà **Hồ Thị K**, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp Giồng Kiên, xã PL, huyện BÐ, tỉnh BT.

Bà K ủy quyền cho ông Trần CT, sinh năm 1981, cư trú: ấp Phước Thạnh, xã TP, huyện BÐ, tỉnh BT tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/6/2024. Ông T có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959; Cư trú: ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BĐ, tỉnh BT. Ông Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2023, biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2024 (Bl 54), nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Vào ngày 05/9/2021 bà có cho vợ chồng bà Hồ Thị K và ông Nguyễn Văn Thô vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả nhưng khi nào bà cần lấy vốn lại thì báo trước 01 tuần. Khi vay thì bà Hồ Thị K có ghi họ tên, số tiền vay vào Hợp đồng mượn tiền, toàn bộ các chữ viết trong Hợp đồng mượn tiền là chữ viết của bà K và bà K ký tên, viết rõ họ tên ở dưới mục Bên mượn, còn bên cho mượn thì bà có ký tên, ghi rõ họ tên của bà.

Do bà K, ông Thô không trả lãi, không trả vốn mặc dù bà có đến đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả. Do đó, bà kiện đòi vợ chồng bà K, ông Thô phải trả cho bà số tiền vốn vay 10.000.000 đồng.

Ngoài số tiền vay trên thì bà có chơi hụi với tư cách là thành viên tham gia chơi hụi, còn bà K là chủ hụi. Quá trình tham gia chơi hụi thì bà K còn nợ bà số tiền là 53.500.000 đồng. Cụ thể bà tham gia chơi hụi như sau:

- *Dây 1:* Hụi mệnh giá một triệu, khai lần đầu vào ngày mùng 5 tháng 10 năm 2020 al, gồm 27 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 19 phần thì bà K tuyên bố vỡ hụi. Trong dây hụi này bà K tự ghi là còn nợ bà số tiền là 18.500.000 đồng.

- *Dây 2:* Hụi mệnh giá một triệu, khai lần đầu vào ngày mùng 25 tháng 12 năm 2020 al, gồm 28 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 15 phần thì bà K tuyên bố vỡ hụi. Trong dây hụi này bà K tự ghi là còn nợ bà số tiền là 29.000.000 đồng.

- *Dây 3:* Hụi mệnh giá hai triệu, khai lần đầu vào ngày mùng 30 tháng 10 năm 2021 al, gồm 28 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 06 phần thì bà K tuyên bố vỡ hụi. Trong dây hụi này bà K tự ghi là còn nợ bà số tiền là 11.000.000 đồng.

- *Dây 4:* Hụi mệnh giá hai triệu, khai lần đầu vào ngày mùng 5 tháng 10 năm 2022 al, gồm 27 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 04 phần thì bà K tuyên bố vỡ hụi. Trong dây hụi này bà K tự ghi là còn nợ bà số tiền là 7.000.000 đồng.

Phần tiền nợ hui thì tổng số tiền bà K còn nợ bà là 65.500.000 đồng.

Bà nợ lại bà K tổng số tiền hui chết là 12.000.000 đồng, bà K trừ ra 12.000.000 đồng nên bà K đã tự ghi giấy nợ xác định số tiền hui còn nợ bà là 53.500.000 đồng. Giấy hui này do bà K ghi và giao lại cho bà giữ có ký tên xác nhận chủ hui là bà Hồ Thị K, còn giấy hui ghi Vợ Ba Lu là bà vì chồng bà là Ba Lu. Bà B thừa nhận bà K có trả bà làm nhiều lần được số tiền là 4.500.000 đồng.

Do đó, tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu bà K và ông Thổ phải liên đới trả cho bà tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng. Tiền nợ hui là: 53.500.000 đồng – 4.500.000 đồng = 49.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ vay, nợ hui là 59.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ khởi kiện của bà là: Giấy mượn tiền ngày 05/9/2021; Giấy hui

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 27/6/2024, ngày 14/8/2024 của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị K nêu với nội dung như sau:*

- Phần tiền vay bà K thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị B là 10.000.000 đồng.

- Phần tiền hui thì, bà K thừa nhận bà có làm chủ hui, bà B là thành viên chơi hui và những dây hui bà B trình bày về mệnh giá hui, thời gian chơi hui, số thành viên chơi hui ở từng dây hui đúng như bà B đã trình bày. Tuy nhiên, phần nợ tiền hui thì bà K chỉ thừa nhận số nợ ở các dây hui như sau:

+ Hui một triệu, mở ngày 05/10/2020 thì nợ là 9.590.000 đồng, không phải như bà B nêu là 18.500.000 đồng vì mỗi lần đóng ở dây hui này thấp nhất là 300.000 đồng, cao nhất là 800.000 đồng.

+ Hui một triệu, mở ngày 25/12/2020 thì nợ là 14.300.000 đồng, không phải như bà B nêu là 29.000.000 đồng vì mỗi lần đóng ở dây hui này thấp nhất là 300.000 đồng, cao nhất là 800.000 đồng.

+ Hui hai triệu, mở ngày 30/10/2021 thì nợ là 6.930.000 đồng, không phải như bà B nêu là 11.000.000 đồng vì mỗi lần đóng ở dây hui này thấp nhất là 950.000 đồng, cao nhất là 1.600.000 đồng.

+ Hui hai triệu, mở ngày 05/10/2022 thì nợ là 5.650.000 đồng, không phải như bà B nêu là 7.000.000 đồng vì mỗi lần đóng ở dây hui này thấp nhất là 1.350.000 đồng, cao nhất là 1.600.000 đồng.

Ngoài ra, bà K đã trả nhiều lần cho bà B số tiền là 4.500.000 đồng. Vì vậy, bà K còn nợ bà B số tiền vay là 10 triệu đồng, nợ hui là

9.590.000 đồng + 14.300.000 đồng + 6.930.000 đồng + 5.650.000 đồng =

36.470.000 đồng.

Vì vậy, qua yêu cầu khởi kiện của B bà K đồng ý trả nợ số tiền là 46.470.000 đồng – 12.000.000 đồng tiền hụi chết – 4.500.000 đồng tiền đã trả còn lại là 29.970.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BĐ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn. Tuy nhiên, có vi phạm trong việc gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát trễ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt những lần Tòa án triệu tập để làm việc là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt những lần Tòa án triệu tập để làm việc là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án dân sự, nhận thấy: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị K và ông Nguyễn Văn Thô có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền 59.000.000 đồng trong đó 10.000.000 đồng tiền vay, 49.000.000 đồng tiền nợ hụi, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/7/2024.

Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng, chứng cứ bà B cung cấp là hợp đồng mượn tiền đề ngày 05/9/2021 có chữ ký của bà K và bà B. Bà K thừa nhận có nợ bà B và có ký tên trong hợp đồng mượn tiền nêu trên, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS. Do đó, bà B yêu cầu bà K trả bà số tiền vay trên là có cơ sở, đề xuất chấp nhận.

Đối với số tiền nợ hụi, chứng cứ bà B cung cấp là giấy tay ghi tiền hụi có chữ ký của bà K. Bà K thừa nhận chữ ký là của bà, nhưng bà K không đồng ý với số tiền bà B yêu cầu. Bà trình bày bà còn nợ bà B số tiền nợ hụi 19.970.000 đồng. Tuy nhiên bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở xem xét. Do vậy, có căn cứ việc bà K còn nợ bà B số tiền hụi 49.000.000 đồng, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà B.

- Về lãi suất và thời điểm tính lãi: bà B yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền bà K nợ nêu trên từ ngày 15/7/2024. Trong hợp đồng mượn tiền không thể hiện mức lãi suất và thời gian trả lãi nên áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/7/2024 đối với số tiền vay 10.000.000 đồng là có cơ sở. Đối với số tiền nợ hụi thì không áp dụng lãi suất.

- Về trách nhiệm liên đới: bà B yêu cầu bà K và ông Thô có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền nêu trên. Tuy nhiên ông Thô vắng mặt tại các lần Tòa mời làm việc nên không trình bày ý kiến cũng không có ý kiến phản đối. Ông Thô và bà K là vợ chồng nên đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân. Bà K dùng số tiền trên vào mục đích phát triển kinh tế gia đình nên ông Thô có trách nhiệm liên đới cùng bà K trả cho bà B số tiền nợ nêu trên.

Từ những phân tích trên: đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 92 BLTTDS:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Hồ Thị K và ông Nguyễn Văn Thô có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền vay 10.000.000 đồng, tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/7/2024 và 49.000.000 đồng tiền nợ hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị K và ông Nguyễn Văn Thô phải liên đới cho bà số tiền nợ vay, nợ hụi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi*” được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có đăng ký thường trú tại xã PL, huyện BĐ, tỉnh BT. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Hồ Thị K phải trả số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hồ Thị K thừa nhận có vay và còn nợ bà B số tiền vay trên. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết được bị đơn thừa nhận nên công nhận đó là sự thật, nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Do vậy, bà Nguyễn Thị B khởi kiện đòi bà Hồ Thị K phải trả số tiền nợ vốn vay 10.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy hui (bl 55), trong đó thể hiện 04 dây hui cho bà K làm chủ hui có ký tên và ghi rõ họ tên chủ hui Hồ Thị K. Theo chứng cứ trên đã thể hiện: Tổng số tiền chủ hui Hồ Thị K còn nợ bà B là 65.500.000 đồng, đã trừ đi số tiền hui chết 12.000.000 đồng, còn nợ lại là 53.500.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận chỉ thừa nhận bà B đã đóng tiền vốn góp hui cho các dây hui trên là 36.470.000 đồng.

[5] Xét chứng cứ là giấy ghi hui do bị đơn giao nộp thể hiện việc chủ hui bà K tự ghi số tiền góp hui ở những lần hui viên đóng hui để theo dõi. Qua xem xét chứng cứ này không phù hợp với số lần mà nguyên đơn đã trình bày tại giấy hui do nguyên đơn cung cấp. Cụ thể:

Dây hui mở ngày 05/10/2020 nguyên đơn khai chỉ đóng 19 lần, còn giấy hui bị đơn nộp (bl 37) thể hiện đã mở hui 22 lần; dây hui mở ngày 25/12/2020 bà B tham gia 2 phần nhưng bị đơn giao nộp (bl 38) chỉ thể hiện bà B 01 phần, đã mở hui đến 19 lần, còn nguyên đơn thì dây hui này chỉ mở 15 lần; Dây hui mở ngày 30/10/2021 nguyên đơn khai chỉ mở được 6 lần còn bị đơn cung cấp chứng cứ là giấy hui đã mở 8 lần; Hui ngày 05/10/2022 nguyên đơn khai 4 lần mở hui , bị đơn cung cấp giấy hui mở đến 5 lần. Như vậy, những giấy hui mà bị đơn giao nộp có nội dung không liên quan đến các dây hui mà nguyên đơn khởi kiện và các giấy này là bản sao không có giá trị chứng minh.

[6] Qua đánh giá chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy hui (bl55) và các chứng cứ do bị đơn cung cấp (Bl 37-40).

Nhận thấy:

- Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, số tiền của từng dây hui, số thành viên chơi hui.

Tuy nhiên, về số tiền hui còn thiếu thì bị đơn chỉ thừa nhận có một phần nhưng bị đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh. Hơn nữa, tại văn bản trình bày của bị đơn ngày 27/6/2024, ngày 14/8/2024, Biên bản do Hòa giải viên lập ngày 10/11/2023 thì bị đơn thừa nhận số tiền nợ hui như nguyên đơn nêu phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là giấy hui có chữ ký của chủ hui bà Hồ Thị K.

- Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng chữ ký tên của bà K và ghi rõ tên của bà Hồ Thị K, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thừa nhận này của bị đơn. Sự thừa nhận này phù hợp với chứng cứ nguyên đơn đã dùng làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Vì vậy, nguyên đơn căn cứ vào Giấy hui tại thời điểm bị bể hui bà K đã tự nguyện ghi và xác nhận số nợ còn thiếu bà B tổng số số 53.500.000 đồng, giấy hui này do bà tự nguyện xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện, cam kết, thỏa thuận, không ai ép buộc bà nên buộc bà Hồ Thị K phải thực hiện theo sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự quy định các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

Từ những cơ sở trên, có căn cứ để xác định bà Hồ Thị K đã có nợ tiền hui của bà B theo giấy hui mà bà B cung cấp là 53.500.000 đồng theo như sự thỏa thuận của hai bên tại thời điểm xảy ra bể hui. Do đó, bà B kiện đòi bà Hồ Thị K phải trả cho bà số tiền nợ hui còn thiếu là 53.500.000 đồng là có cơ sở.

[7] Tại Văn bản trình bày ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ngày 14/8/2024 đã thừa nhận bà K đã trả cho bà B nhiều lần được tổng số tiền là 4.500.000 đồng, điều này được bà B thừa nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Hồ Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui còn nợ là: 53.500.000 đồng – 4.500.000 đồng = 49.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà Hồ Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền hui còn thiếu là 49.000.000 đồng.

[8] Như vậy, tổng số tiền nợ vay, nợ hui bà Hồ Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B là 59.000.000 đồng.

[9] Xét về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn Thô: Ông Nguyễn Văn Thô là chồng bà Hồ Thị K nên phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà K trả số nợ này cho bà B là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Hồ Thị K, ông Nguyễn Văn Thô phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Tuy

nhiên, bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà K, ông Thô được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí mà ông, bà phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469, 471, Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Hồ Thị K và ông Nguyễn Văn Thô. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”.

2. Buộc bà Hồ Thị K, ông Nguyễn Văn Thô phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền nợ vay, nợ hụi là 59.000.000 đồng. Trong đó: Nợ vay là 10 triệu đồng (Mười triệu đồng), nợ hụi 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị K, ông Nguyễn Văn Thô thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Thô vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT
(Phòng KTNV& THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiêu

Trương Văn Sảng

Võ Thị Loan

